

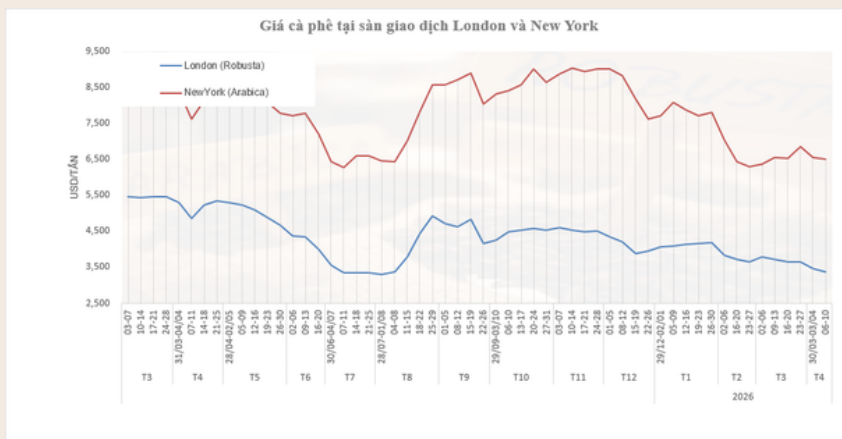
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên hai sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 06/04/2025 - 10/04/2026.
- Theo Trung tâm Dự báo Khí hậu (CPC), thời tiết có xu hướng ổn định và ít biến động hơn đến giữa năm - tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất cà phê.
- Theo IHCAFE, xuất khẩu cà phê Honduras trong tháng 3/2026 đạt 915.878 bao, tăng 29,60%.
- Theo số liệu sơ bộ của Chính phủ Brazil, xuất khẩu cà phê Brazil tháng 3/2026 đạt 2.521.650 bao, giảm 30,97%.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 06/04/2026 đến 10/04/2026, giá cà phê thế giới giảm trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 05/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.384 USD/tấn, giảm 2,5% so với tuần trước và giảm 36,3% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.448 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.310 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2026 bình quân đạt 6.521 USD/tấn, giảm 0,5% so với tuần trước, và giảm 22,5% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.571 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.475 USD/tấn.[1]

NGUỒN CUNG CÀ PHÊ TOÀN CẦU CẢI THIẾN

Theo Trung tâm Dự báo Khí hậu (CPC), khí hậu đang ở trạng thái trung tính và có thể kéo dài đến giữa năm, nghĩa là không xuất hiện El Niño hay La Niña, nhờ đó thời tiết có xu hướng ổn định và ít biến động hơn. Đối với các vùng trồng cà phê trọng điểm như Brazil, Colombia và Việt Nam, điều kiện này có thể giúp điều hòa lượng mưa và nhiệt độ, hỗ trợ sinh trưởng cây trồng và giảm rủi ro gián đoạn sản xuất do thời tiết.[2] Trong bối cảnh đó, triển vọng nguồn cung cà phê Robusta toàn cầu đang có xu hướng cải thiện khi sản lượng phục hồi tại Việt Nam niên vụ 2025/26, cùng với vụ thu hoạch Conilon tại Brazil và nguồn cung gia tăng từ Indonesia và Uganda. Sự

gia tăng nguồn cung Robusta trong ngắn hạn được kỳ vọng góp phần cân bằng lại cung – cầu, đồng thời giảm áp lực thiếu hụt Arabica trước khi vụ thu hoạch mới của Brazil bắt đầu từ nửa cuối năm 2026.[2]

Thị trường cũng ghi nhận sự linh hoạt của ngành rang xay nội địa Brazil trong việc điều chỉnh phối trộn giữa Robusta và Arabica theo biến động giá. Tổng thể, triển vọng nguồn cung Robusta cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa đang tích cực, trong khi thị trường Arabica vẫn tương đối thắt chặt. Tuy nhiên, các yếu tố đầu cơ trên thị trường kỳ hạn sẽ tiếp tục theo dõi sát diễn biến thời tiết, đặc biệt là xác suất 61% hình thành El Niño vào cuối mùa hè năm 2026, yếu tố có thể tác động đáng kể đến kỳ vọng cung – cầu trong thời gian tới.[2]

HONDURAS

Theo Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE), xuất khẩu cà phê của Honduras trong tháng 3/2026 đạt 915.878 bao, tăng 29,60% so với cùng kỳ niên vụ trước, cho thấy đà phục hồi tích cực trong ngắn hạn. Dự báo cho niên vụ 2025/2026 (từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026), tổng lượng xuất khẩu có thể đạt khoảng 5,50 triệu bao, tăng 4,36% so với niên vụ trước. Đồng thời, giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu niên vụ 2025/2026 ước đạt khoảng 1,36 tỷ USD, tăng 32% so với cùng kỳ, phản ánh cả yếu tố giá và khối lượng cải thiện.[3]

Về thị trường, Hoa Kỳ tiếp tục là điểm đến lớn nhất, chiếm 36,5% tổng lượng xuất khẩu lũy kế, tiếp theo là Đức với 16,1%. Tuy nhiên, các báo cáo gần đây cho thấy phần lớn sản lượng đã được giao dịch sớm trong niên vụ, trong khi vụ thu hoạch tại Honduras và khu vực Trung Mỹ đã kết thúc sớm. Nguồn cung hiện đang suy giảm nhanh, đặc biệt là các dòng cà phê chất lượng cao từ vùng cao, khiến việc thu mua ngày càng khó khăn và có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu trong các tháng tới.[3]

BRAZIL

Chính phủ Brazil công bố số liệu sơ bộ cho thấy xuất khẩu cà phê nhân xanh trong tháng 3/2026 đạt 2.521.650 bao, giảm 30,97% so với cùng kỳ niên vụ trước, phản ánh sự suy giảm đáng kể về khối lượng. Cơ cấu chi tiết theo chủng loại, bao gồm Arabica, Robusta và cà phê hòa tan quy đổi, dự kiến sẽ được công bố trong thời gian tới. Diễn biến này được cho là liên quan đến tâm lý găm hàng của nông dân trong bối cảnh giá cà phê trên sàn kỳ hạn, đặc biệt tại New York, đã giảm mạnh khoảng 0,94 USD/kg, tương đương 12,98% trong hai tháng kể từ đầu tháng 2/2026.[4]

Về triển vọng, điều kiện thời tiết hiện vẫn thuận lợi cho vụ thu hoạch cà phê Conilon sắp bắt đầu, trong khi các vùng trồng Arabica ở phía Nam Brazil cần thêm thời gian, dù có khả năng thu hoạch sớm hơn dự kiến. Tuy nhiên, chi phí sản xuất gia tăng, đặc biệt giá nhiên liệu tăng khoảng 7% trong tháng 4/2026, đang tạo áp lực lên chuỗi cung ứng nội địa. Trong bối cảnh nền kinh tế phụ thuộc lớn vào vận tải đường bộ, các biện pháp trợ cấp dự kiến từ Chính phủ Brazil có thể giúp giảm áp lực chi phí trong ngắn hạn.[4]

DỰ ÁN 1 TRIỆU USD THÚC ĐẨY NGÀNH CÀ PHÊ UGANDA

Tổ chức Nghiên cứu Cà phê Thế giới (WCR) phối hợp với Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) đã triển khai dự án trị giá 850.000 EUR nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giống cà phê kháng bệnh cho nông dân Uganda, đồng thời hỗ trợ mục tiêu phát triển sản xuất dài hạn của quốc gia này. Dự án, với sự tài trợ của các doanh nghiệp như Lavazza Foundation, The J.M. Smucker Co. và JDE Peet's, tập trung mở rộng hệ thống nhân giống thông qua việc xây dựng vườn cây đầu dòng và vườn ươm Robusta tại các vùng trọng điểm. Mục tiêu là sản xuất khoảng 460.000 cây giống năng suất cao, kháng bệnh héo rũ mỗi năm. Đồng thời, kỹ thuật ghép trên gốc Liberica sẽ được áp dụng tại khu vực phía Bắc nhằm tăng khả năng chống chịu hạn hán. Dự án cũng triển khai giải trình tự gen hơn 5.000 cây đầu dòng nhằm đảm bảo tính đồng nhất di truyền. Trong bối cảnh Uganda đã trở thành nước xuất khẩu cà phê lớn nhất châu Phi với kim ngạch 2,4 tỷ USD, sáng kiến này góp phần hiện thực hóa mục tiêu sản xuất cà phê của Uganda đạt 20 triệu bao cà phê vào năm 2030.[5]

STARBUCKS TÁI CẦU TRÚC HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG QUỐC

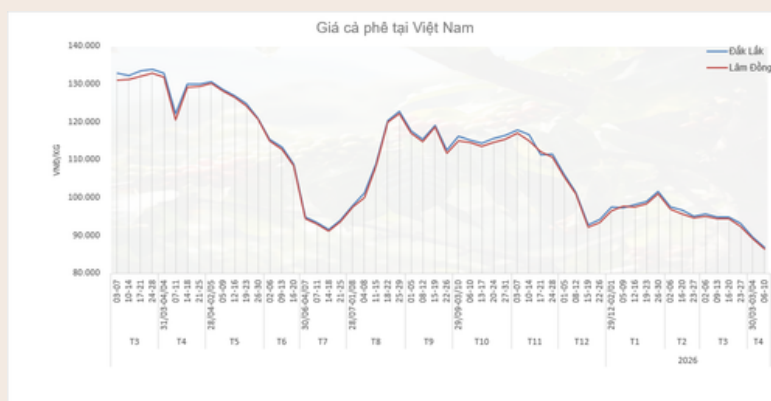
Starbucks vừa hoàn tất thỏa thuận với Boyu Capital nhằm chuyển nhượng quyền kiểm soát hoạt động tại Trung Quốc, trong bối cảnh thị trường này ngày càng cạnh tranh mạnh mẽ. Theo đó, các quỹ do Boyu quản lý sẽ nắm giữ 60% cổ phần trong liên doanh, trong khi Starbucks duy trì phần vốn còn lại và tiếp tục cấp phép thương hiệu cũng như tài sản sở hữu trí tuệ. Thỏa thuận này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy chiến lược bản địa hóa sâu, giúp doanh nghiệp thích ứng tốt hơn với thị hiếu tiêu dùng nội địa và cạnh tranh với các chuỗi cà phê giá rẻ như Luckin Coffee và Cotti Coffee. Hiện nay, Starbucks đang vận hành khoảng 8.000 cửa hàng tại Trung Quốc và đặt mục tiêu mở rộng lên 20.000 cửa hàng trong thời gian tới thông qua hợp tác với Boyu. Động thái này phản ánh xu hướng tái cấu trúc chiến lược của các tập đoàn quốc tế nhằm tận dụng nguồn lực địa phương, đồng thời gia tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường tiêu dùng lớn thứ hai thế giới.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc giảm so với tuần trước.
- Tại thị trường Nhật Bản, cà phê Việt Nam chịu áp lực cạnh tranh - giá xuất khẩu bình quân giảm 15,3% trong hai tháng đầu năm 2026.
- Ngành cà phê Việt Nam cần chuyển đổi để nâng cao giá trị và phát triển bền vững.
- Ngành cà phê Gia Lai đang chủ động nâng cao năng lực thích ứng thông qua đào tạo chuyên sâu.
- Sau sáp nhập, tỉnh Lâm Đồng trở thành địa phương có quy mô sản xuất cà phê lớn nhất cả nước với sản lượng trên 1 triệu tấn/năm.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 06/04/2026 đến ngày 10/04/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 86.913 VNĐ/kg, giảm 3% so với tuần trước, và giảm 34,6% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 89.133 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 85.133 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 86.480 VNĐ/kg, giảm 3% so với tuần trước, và giảm 34,4% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 88.700 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 84.700 VNĐ/kg. [1]

CÀ PHÊ VIỆT NAM GẶP ÁP LỰC CẠNH TRANH TẠI NHẬT BẢN

Trong Quý I/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ghi nhận xu hướng tăng về lượng nhưng giảm về giá trị, phản ánh áp lực giá trên thị trường quốc tế. Lũy kế, xuất khẩu đạt 590.498 tấn, tương đương 2,749 tỷ USD, tăng 12,5% về lượng nhưng giảm 7,1% về giá trị so với cùng kỳ. Diễn biến này diễn ra trong bối cảnh tồn kho Robusta trên sàn ICE giảm xuống mức thấp, trong khi tồn kho Arabica tăng mạnh, cho thấy sự phân hóa cung – cầu giữa hai dòng cà phê chủ lực.[2]

Tại thị trường Nhật Bản, cà phê Việt Nam chịu áp lực cạnh tranh gia tăng từ Brazil, trong khi giá xuất khẩu bình quân giảm 15,3% trong hai tháng đầu năm. Cơ cấu xuất khẩu vẫn chủ yếu là Robusta (63%), trong khi cà phê chế biến và Arabica chiếm tỷ trọng thấp, hạn chế giá trị gia tăng. Dù Nhật Bản là thị trường tiêu thụ ổn định với xu hướng tăng nhu cầu cà phê chất lượng cao và đặc sản, việc phụ thuộc vào xuất khẩu cà phê nhân khiến Việt Nam đối mặt với rủi ro suy giảm lợi thế cạnh tranh, đòi hỏi chuyển dịch sang chế biến sâu và xây dựng thương hiệu.[2]

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ CÀ PHÊ VIỆT NAM

Ngành cà phê Việt Nam đang đứng trước yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính bền vững trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Với diện tích hơn 710.000 ha và đóng góp khoảng 2,5% GDP, cà phê tiếp tục là ngành hàng chủ lực, song cơ cấu xuất khẩu vẫn chủ yếu là sản phẩm thô. Tại các diễn đàn chuyên ngành, nhiều giải pháp đã được đề xuất, trong đó nhấn mạnh phát triển chế biến sâu, xây dựng chuỗi giá trị dài hạn và thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Việc thiết kế hệ thống hợp đồng có tính ràng buộc, chia sẻ lợi ích và nâng cao kỹ luật thị trường được xem là yếu tố then chốt để gia tăng hiệu quả chuỗi cung ứng. Đồng thời, phát triển cà phê đặc sản, gắn với truy xuất nguồn gốc và câu chuyện sản phẩm, sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, vai trò của tín dụng và chính sách hỗ trợ được xác định là đòn bẩy quan trọng nhằm thúc đẩy đầu tư công nghệ, mở rộng thị trường và từng bước chuyển dịch từ xuất khẩu nguyên liệu sang xuất khẩu giá trị cao.[3]

GIA LAI

Trong bối cảnh EUDR ngày càng siết chặt các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và tính hợp pháp, ngành cà phê tại Gia Lai đang chủ động nâng cao năng lực thích ứng thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu. Trung tâm Khuyến nông Gia Lai, phối hợp với doanh nghiệp tư vấn và các tổ chức quốc tế, đã tổ chức khóa tập huấn cho cán bộ kỹ thuật nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành về thu thập dữ liệu, xác định tọa độ, xây dựng bản đồ vùng trồng và kiểm soát nguy cơ mất rừng sau năm 2020. Hoạt động này thuộc khuôn khổ dự án hợp tác quốc tế hướng tới thúc đẩy sản xuất cà phê bền vững, không gây mất rừng, đồng thời nâng cao năng lực quản lý và liên kết chuỗi giá trị. Trong thời gian tới, địa phương dự kiến triển khai các mô hình sinh kế bền vững, mở rộng đào tạo cho nông dân và xây dựng hệ thống dữ liệu số phục vụ truy xuất nguồn gốc. Việc chủ động đáp ứng EUDR được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, duy trì khả năng tiếp cận thị trường châu Âu và thúc đẩy phát triển bền vững ngành cà phê địa phương.[4]

LÂM ĐỒNG

Sau khi sáp nhập Đắk Nông, Lâm Đồng trở thành địa phương có quy mô sản xuất cà phê lớn nhất cả nước với sản lượng trên 1 triệu tấn/năm; tuy nhiên, cơ cấu sản phẩm vẫn nghiêng mạnh về Robusta (khoảng 90%), trong khi Arabica chỉ chiếm khoảng 10%. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ điều kiện sinh thái đặc thù, khi Arabica chỉ phù hợp với các vùng cao như cao nguyên Lâm Viên (Đà Lạt, Cầu Đất) ở độ cao khoảng 1.500m, nhiệt độ 15–20°C, trong khi phần lớn diện tích còn lại thích hợp với Robusta. Mặc dù có lợi thế về hương vị đặc trưng với độ chua thanh và hương hoa quả, chất lượng Arabica Lâm Đồng nhìn chung vẫn ở mức khá (85–86 điểm), chưa đạt ngưỡng cao cấp trên 90 điểm như một số vùng nổi tiếng thế giới. Tuy vậy, trong bối cảnh thị trường cà phê toàn cầu gia tăng nhu cầu chất lượng cao và các tiêu chuẩn như EUDR ngày càng khắt khe, Arabica Lâm Đồng đang nổi lên như một phân khúc tiềm năng nhờ vùng trồng tập trung, khả năng truy xuất nguồn gốc và xu hướng chế biến sâu, góp phần nâng cao giá trị trong chuỗi giá trị cà phê toàn cầu.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	88,700	88,700	84,700	85,300	85,000	86,480	-2,680
Di Linh	88,700	88,700	84,700	85,300	85,000	86,480	-2,680
Lâm Hà	88,700	88,700	84,700	85,300	85,000	86,480	-2,680
Bảo Lộc	88,700	88,700	84,700	85,300	85,000	86,480	-2,680
ĐẮK LẮK	89,133	89,133	85,133	85,733	85,433	86,913	-2,660
Cư M'gar	89,200	89,200	85,200	85,800	85,500	86,980	-2,660
Ea H'leo	89,100	89,100	85,100	85,700	85,400	86,880	-2,660
Buôn Hồ	89,100	89,100	85,100	85,700	85,400	86,880	-2,660
GIA LAI	89,133	89,133	85,133	85,733	85,333	86,893	-2,647
Chư Prông	89,200	89,200	85,200	85,800	85,400	86,960	-2,580
Pleiku	89,100	89,100	85,100	85,700	85,300	86,860	-2,680
La Grai	89,100	89,100	85,100	85,700	85,300	86,860	-2,680
Quảng Ngãi	89,100	89,100	85,100	85,700	85,300	86,860	-2,680
Kon Tum	89,100	89,100	85,100	85,700	85,300	86,860	-2,680

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://www.iandmsmith.com>
- [5]: <https://dailycoffeenews.com>
- [6]: <https://www.reuters.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://thitruongtaichinhthiente.vn>
- [3]: <https://doanhnghiepvadautu.info.vn>
- [4]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [5]: <https://danviet.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn